TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN** **TỈNH THANH HÓA** Số:89/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bỉm sơn, ngày 22 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 101, 104, khoản 3 Điều 144, khoản 2, khoản 3 Điều 147, Điều 157, 158, 162, 163, 164, Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 280, 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 38, khoản 3 Điều 39, Điều 40,41, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/ UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 và tiểu mục 1.3 Mục 1.II. Phần A Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:90/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/7/2023;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng V - sinh năm 1976

Trú tại: SN 103 đường H, Khu phố 10, phường B, thị xã B, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Hoàng Nghĩa T - sinh năm 1968

Trú tại: SN 103 đường H, Khu phố 10, phường B, thị xã B, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về tài sản chung hai bên công nhận có tài sản chung gồm:**

- 01 thửa đất số 21, tờ bản đồ 158, Bản đồ địa chính phường Bắc Sơn duyệt công nhận năm 2011 tại địa chỉ: Số nhà 103 đường H, khu phố 10, phường B, thị xã B, tỉnh T, diện tích 185,1m^2; đứng tên Trần Thị Hồng V theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CB714761 do UBND thị xã B cấp ngày 31/10/2016 và các công trình trên đất là 01 nhà cấp 4 diện tích 51,48m^2 và 01 bán bình lợp tôn diện tích 27,72m^2.

Hội đồng thẩm định và định giá tài sản UBND thị xã B định giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tổng trị giá 538.711.000đ (Năm trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm, mười một nghìn đồng). Các đương sự thỏa thuận tổng giá trị tài sản(đất và công trình trên đất) là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng)(Theo biên bản định giá tài sản ngày 29/8/2023).

Như vậy, tổng cộng tài sản chung của vợ chồng sau thời kỳ hôn nhân là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

*** Các đương sự thỏa thuận:**

- Giao Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại: số nhà 103 đường H, khu phố 10, phường B, thị xã B, tỉnh T (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 714761, số vào sổ cấp GCN: CH 02063 do UBND thị xã B cấp ngày 31/10/2016 cho bà Trần Thị Hồng V) cho ông Hoàng Nghĩa T toàn quyền sở hữu, quản lý và sử dụng.

Ông Hoàng Nghĩa T có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho bà Trần Thị Hồng V số tiền tương đương ½ tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

- Thời hạn giao tiền: Đến ngày 31/10/2023 ông T phải trả cho bà V toàn bộ số tiền nêu trên.

Sau khi trả tiền chênh lệch cho bà Trần Thị Hồng V số tiền 400.000.000đ ông Hoàng Nghĩa T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được công nhận quyền sử dụng đất theo quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Nếu ông Hoàng Nghĩa T không thực hiện đúng theo thỏa thuận và vi phạm nghĩa vụ trả tiền chênh lệch thì bà Trần Thị Hồng V có quyền làm đơn đề nghị Thi hành án thi hành toàn bộ số tiền chênh lệch nêu trên, và ngoài ra hàng tháng ông Thông còn phải chịu thêm khoản lãi suất do Ngân hàng quy định tương ứng với số tiền gốc chậm trả và thời gian chưa thi hành án(theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự).

* Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản 3.000.000đ. Hai bên thỏa thuận bà V nộp. Bà V đã nộp xong nên không xét.

* Về án phí DSST: Bà V phải nộp án phí DSST có giá ngạch là 10.000.000đ (mười triệu đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đ bà V đã nộp tại

Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã B theo biên lai thu số AA/2022/0005449 ngày 25/7/2023. Như vậy, bà V còn phải nộp thêm số tiền 6.250.000đ (Sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Hoàng Nghĩa T phải nộp án phí DSST có giá ngạch là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Bỉm Sơn;
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS thị xã Bỉm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TỐNG THỊ HÀ